

Bản án số: 38/2019/DS-ST
Ngày 09 - 5 - 2019
V/v tranh chấp hội, vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Châu Trung Trực

Ông Nguyễn Văn Hiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Toà án nhân dân huyện Đam Dơi.

Ngày 09 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 47/2019/TLST-DS ngày 18 tháng 02 năm 2019 về việc tranh chấp hội, vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2019/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Trần Văn N, sinh năm 1958; cư trú tại: Ấp HH, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Bà Võ Thị Đ, sinh năm 1959; cư trú tại: Ấp HH, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Bị đơn:

1. Anh Lâm Thanh D, sinh năm 1976; cư trú tại: Ấp HH, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Chị Lê Hồng T, sinh năm 1977; cư trú tại: Ấp HH, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Trần Văn N và bà Võ Thị Đ thống nhất trình bày: Ông bà có tham gia 01 chung hội trong dây hội 500.000 đồng, mở ngày 30/3/2016 ỉl do anh D và chị T làm đầu thảo, 01 tháng khai 02 lần, dây hội gồm 81 chung. Quá trình tham gia hội

ông bà đã đóng hui được 67 lần với số tiền 33.500.000 đồng. Đến ngày 26/12/2018, anh D và chị T tuyên bố đình hui nhưng không giao hui chết cho ông bà.

Năm 2017, ông bà có cho vợ chồng anh D, chị T vay 10.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, khi vay hai bên có thỏa thuận 2-3 tháng sau sẽ trả vốn, lãi trả đến tháng 12/2018. Từ tháng 12/2018 đến nay thì anh D, chị T không trả lãi cho ông bà.

Ông bà cho rằng việc chị T làm chủ đầu thảo thì anh D có biết vì thời gian chị T làm đầu thảo đã lâu và mục đích là để phục vụ sinh hoạt chung trong gia đình.

Nay ông bà yêu cầu anh D, chị T trả cho ông bà tổng số tiền 43.500.000 đồng, trong đó 33.500.000 đồng tiền hui và 10.000.000 đồng tiền vay, lãi suất vay ông bà không yêu cầu.

Chị Lê Hồng T trình bày: Chị thống nhất với lời trình bày của ông N, bà Đ về thời gian mở hui, loại hui, số chung hui ông N, bà Đ tham gia như trên. Ngoài ra, chị và anh D có vay của ông N, bà Đ 10.000.000 đồng tiền vốn như trình bày ở trên là đúng. Việc chị tuyên bố đình hui là do các hui viên hốt hui nhưng không đóng lại hui nên không có khả năng lấp hui. Việc chị làm đầu thảo hui thì anh D không biết. Nay chị thống nhất trả cho ông N, bà Đ tổng số tiền là 43.500.000 đồng.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn giữ nguyên quan điểm, không có yêu cầu khác. Chị T yêu cầu được trả tiền vốn hui.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Trần Văn N và bà Võ Thị Đ khởi kiện yêu cầu anh Lâm Thanh D và chị Lê Hồng T trả tiền hui, tiền vay là vụ kiện tranh chấp hui và vay tài sản, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Ông N, anh D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không phải vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với ông N, anh D.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc các đương sự có tham gia chơi hui, vay tiền và tổng số tiền còn nợ 43.500.000 đồng là thực tế có xảy ra, việc này được ông N, bà Đ và chị T thừa nhận. Nay ông N, bà Đ yêu cầu anh D và chị T trả 43.500.000 đồng, chị T đồng ý, nhưng chị T chỉ đồng ý một mình chị trả, chị không đồng ý việc anh D cùng trả.

[4] Xét về nghĩa vụ trả tiền, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo chị T xác định việc chị mở hui và nợ hui thì anh D không biết, không đồng ý, không trực tiếp gom

hội nên khoản nợ hội này là nợ riêng của chị, không phải nợ chung của chị và anh D. Xét thấy: Việc chị T làm chủ hội trong khoảng thời gian dài, chị T và anh D đang tồn tại mối quan hệ hôn nhân, chị T và anh D đang sống chung một nhà. Ngoài ra, việc chị T làm chủ hội cũng vì mục đích được nhận khoản tiền hoa hồng để phục vụ các sinh hoạt hằng ngày trong gia đình. Từ đó, Hội đồng xét xử khẳng định khoản nợ tiền hội và tiền vay nêu trên là khoản nợ chung của chị T và anh D được phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, do đó chị T và anh D phải có nghĩa vụ trả khoản tiền nợ hội và tiền vay nêu trên cho ông N, bà Đ là phù hợp.

[5] Xét về khoản tiền phải trả, thấy rằng: Mặc dù giữa nguyên đơn và chị T đã thỏa thuận được số tiền phải trả. Tuy nhiên, tại phiên tòa chị T yêu cầu được trả tiền vốn hội, chị xin không trả lãi hội, việc này nguyên đơn không đồng ý. Mặt khác, nguyên đơn và chị T không nhớ, không có sổ sách ghi chép số tiền thực tế đã đóng của mỗi kỳ khai hội và cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ thể hiện số tiền vốn hội là bao nhiêu. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận khoản tiền vốn, lãi 43.500.000 đồng theo thỏa thuận của hai bên là có căn cứ.

[6] Xét về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T và anh D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Cụ thể: $43.500.000 \text{ đồng} \times 5\% = 2.175.000 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 91; Điều 5; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 479 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 463 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn N và bà Võ Thị Đ.

1. Buộc chị Lê Hồng T và anh Lâm Thanh D phải có nghĩa vụ trả cho ông Trần Văn N và bà Võ Thị Đ số tiền là 43.500.000 đồng (bốn mươi ba triệu năm trăm ngàn đồng).

2. Kể từ ngày ông Trần Văn N và bà Võ Thị Đ có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Lê Hồng T và anh Lâm Thanh D chậm thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng chị T, anh D còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

3. Về án phí dân sự: Chị Lê Hồng T và anh Lâm Thanh D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 2.175.000 đồng (hai triệu một trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Minh Thịnh